

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2021/HNPT
Ngày: 13- 01-2021
V/v: “*Tranh chấp ly hôn, chia
tài sản chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Cẩm Thúy

- *Các Thẩm phán:* Bà: Lê Thị Minh Trang

Ông: Thiềm Quốc Khanh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Anh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:

bà Nguyễn Văn Phi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2020/TLPT- HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp: “Ly hôn, chia tài sản chung”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2020/ HNGĐ - ST ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 112/2020/QĐPT- HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lưu Minh T, sinh năm: 1975

Địa chỉ: KDC 586, phường Phú T, quận Cái R, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm: 1986

Địa chỉ: KDC 586, phường Phú T, quận Cái R, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Công ty cổ phần xây dựng công trình giao thông X.

Trụ sở: Đường Nguyễn Thiện T, phường 24, quận Bình T, thành phố Hồ Chí Minh.

Chi nhánh Cần Thơ: Khu vực Thạnh T, phường Phú T, quận Cái R, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Thị Kim T (Văn bản ủy quyền ngày 22.01.2019).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lưu Minh T trình bày và yêu cầu:

Ông và bà Nguyễn Thị Hồng T tự nguyện chung sống vào năm 2005, đến tháng 7 năm 2007 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hưng Phú quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng khoảng ba năm trở lại đây thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 10/2017 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà T thường xuyên gây áp lực cho ông, không đưa đón con đi học, không phụ giúp gia đình lại còn ghen tuông vô cớ. Hiện nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn không thể chung sống với nhau được nữa, nên ông yêu cầu được ly hôn với bà T.

Quá trình chung sống ông bà có 03 con chung là: Lưu Phú A (nam) sinh ngày 27/5/2008; Lưu Bảo N (nữ) sinh ngày 10/10/2009 và Lưu Phú T (nam) sinh ngày 20/6/2013. Khi ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 03 con, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Ông xác định là ông và bà T có tài sản chung là nhà và đất tại khu dân cư 586, phường Phú T, quận Cái R, thành phố Cần Thơ.

Về nợ chung: ông bà còn nợ Công ty X số tiền mua nhà và đất nêu trên còn nợ lại 200.000.000 đồng.

Ông yêu chia đôi tài sản chung theo kết quả giám định, ông nhận nhà và đất và sẽ thối hoàn $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản bằng tiền cho bà T. Về nợ chung ông yêu cầu mỗi người có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số nợ cho Công ty X. Đối với các vật dụng sinh hoạt trong gia đình ông không yêu cầu chia.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Trong thời gian vợ chồng chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, do ông T tính gia trưởng hay đánh đập vợ con, nhưng nguyên nhân lớn nhất là ông T có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài. Do vậy bà đồng ý ly hôn với ông T.

Khi ly hôn bà có yêu cầu nuôi cả 03 con, ông T cấp dưỡng nuôi 03 con mỗi tháng là 4.500.000 đồng.

Về tài sản chung bà thống nhất chia đôi như ông T yêu cầu; Nhưng bà yêu cầu được nhận nhà và đất, bà sẽ thối hoàn tiền lại cho ông T. Bà thống nhất không yêu cầu chia các vật dụng sinh hoạt trong gia đình.

Bà đồng ý với ý kiến của ông T là mỗi người có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số nợ cho Công ty X.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần xây dựng công trình giao thông X, đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Kim Trang trình bày:

Ngày 10/10/2008 ông Lưu Minh T và công ty có ký hợp đồng số 439/HĐTĐC về mua bán nhà và đất B6-93; theo đó ông T còn nợ lại Công ty 200.000.000đ. Trong vụ án ly hôn giữa ông T và bà T phía Công ty không có ý kiến gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết xem xét số tiền còn nợ lại, sau này có tranh chấp thì Công ty sẽ khởi kiện thành vụ án khác. Công ty xin được vắng mặt trong tất cả các phiên hòa giải và xét xử liên quan đến vụ án.

Tại bản án số 10/2020/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 5 năm 2020 Tòa án nhân dân quận Cái Răng đã xét xử và Quyết định như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Lưu Minh T với bà Nguyễn Thị Hồng T.

Về con chung: có 03 con chung tên: Lưu Phú A (nam) sinh ngày 27/5/2008; Lưu Bảo N (nữ) sinh ngày 10/10/2009 giao bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Giao Lưu Phú T (nam) sinh ngày 20/6/2013 cho ông Lưu Minh T trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành.

Ghi nhận ông Lưu Minh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi một con chung 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày 08/5/2020 cho đến khi hai con tròn 18 tuổi (Lưu Phú A, Lưu Bảo N).

Dành quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung cho hai bên theo quy định pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung:

Giao cho bà Nguyễn Thị Hồng T được trọn quyền sở hữu và sử dụng một căn nhà (một trệt, một lầu) có kết cấu sàn bê tông cốt thép, mái tole, trần la phong nhựa, tường chung xây gạch 10cm, nền gạch men; và thửa đất số 8284, tờ

bản đồ số 4, có diện tích 80m², khu đô thị mới nam sông Cần Thơ, phường Phú Thứ, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Kèm theo bản vẽ hiện trạng nhà (BL132) và mảnh trích đo địa chính số số 513-2018 ngày 13/11/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận Cái Răng (BL134).

Bà Nguyễn Thị Hồng T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lưu Minh T số tiền là 560.760.000đ (tương đương tị giá ½ căn nhà và đất tọa lạc tại khu đô thị mới nam sông Cần Thơ, phường Phú T, quận Cái R, thành phố Cần Thơ).

Về nợ chung: Ghi nhận ý kiến tự nguyện của bà Nguyễn Thị Hồng T có trách nhiệm trả cho công ty Cổ phần xây dựng công trình giao thông X số tiền là 200.000.000 đồng còn lại của hợp đồng mua bán nhà số 439/HĐTĐC ngày 10/10/2008.

Về án phí:

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: nguyên đơn ông Lưu Minh T phải nộp là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 006512 ngày 15/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ, ông T đã nộp xong án phí hôn nhân sơ thẩm.

Về án phí cấp dưỡng: ông Lưu Minh T phải nộp là 300.000 đồng.

Về án phí chia tài sản:

Ông Lưu Minh T phải nộp án phí có giá ngạch số tiền là 26.430.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Hồng T phải nộp án phí có giá ngạch số tiền là 13.215.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 8.000.000 đồng theo biên lai thu số 006754 ngày 14/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ; số tiền án phí bà T còn phải nộp là 5.215.000 đồng.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: số tiền là 3.489.000 đồng; ông T bà T mỗi người chịu ½ số tiền này, tương đương 1.744.500 đồng. Ông T đã nộp tạm ứng trước số tiền là 1.354.000 đồng, bà T nộp 2.135.000 đồng, nên ông T có nghĩa vụ nộp lại số tiền là 390.000 đồng để giao trả lại cho bà T tại cơ quan thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền-thời hạn kháng cáo và Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Ngày 20.5.2020 nguyên đơn ông Lưu Minh T có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần tài sản chung, ông yêu cầu xem xét lại giá trị nhà và ông yêu cầu được nhận hiện vật và thối hoàn giá trị bằng tiền lại cho bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ông Lưu Minh T và bà Nguyễn Thị Hồng T tự nguyện chung sống vào năm 2005, đăng ký kết hôn vào năm 2007; ông bà đã có thời gian dài chung sống, có con chung và tài sản chung. Do vậy hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh khi có yêu cầu. Sau thời gian chung sống hạnh phúc thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân nhau, nên ông T có yêu cầu xin được ly hôn. Trong quá trình giải quyết ông bà đều xác định là vợ chồng có quá nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được và không thể tiếp tục chung sống được nữa nên cả hai đều có nguyện vọng được chấm dứt quan hệ hôn nhân; nhưng lại không thỏa thuận được với nhau về quan hệ con chung và tài sản chung, nên cấp sơ thẩm đã đưa vụ án ra xét xử là có căn cứ và đúng thẩm quyền.

Sau khi án sơ thẩm xử xong bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng T không có đơn kháng cáo; nguyên đơn ông Lưu Minh T không đồng ý với bản án sơ thẩm và có đơn kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm ông T xác định là giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như trong đơn và không cung cấp thêm chứng cứ gì mới. Ngoài ra, ông xin được kháng cáo bổ sung là yêu cầu được trực tiếp nuôi hết 03 con chung, vì bà T không có trách nhiệm và không lo lắng chu toàn cho các con.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thực hiện pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự đối với người tham gia tố tụng. Đơn và thời hạn nộp tạm ứng kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định nên được xem là hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung kháng cáo của ông T: Tại phiên tòa ông kháng cáo bổ sung là yêu cầu được trực tiếp 03 con chung nhưng yêu cầu kháng cáo này vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nên không thể chấp nhận. Đối với yêu cầu về xem xét lại giá trị tài sản thì cấp phúc thẩm đã tiến hành thì lập hội đồng định giá, theo đó thì giá trị đất có tăng lên so với thời điểm cấp sơ thẩm đã xét xử nhưng

ông T, bà T thống nhất với giá trị tổng tài sản của ông bà là 2.044.000.000 đồng, không có ý kiến gì khác. Do vậy, tài sản chung của ông bà sau khi trừ đi số nợ 200.000.000 đồng còn nợ lại của Công ty X sẽ được chia đôi theo luật định. Xét về điều kiện ổn định chỗ ở thì không thể chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T về việc ông sẽ nhận nhà và trả giá trị cho bà T.

Đối với số tiền nợ tiền điện ông T xuất trình biên lai nợ là ông bà còn nợ Công ty X trên 30 triệu, bà T không thừa nhận, ở cấp sơ thẩm không ai nêu ra vấn đề này nên không xem xét.

Viện kiểm sát đề nghị: Chấp nhận một phần kháng cáo của ông T, sửa án sơ thẩm về giá trị tài sản chung.

Hội đồng xét xử xét kháng cáo của ông T theo đơn và tại phiên tòa thì nhận thấy: Ông T xin kháng cáo bổ sung với yêu cầu là ông xin được nuôi hết 03 con chung, ông cho rằng bà T không lo lắng chu toàn cho con từ việc đưa rước con đi học đến việc chăm sóc ăn uống cho con hằng ngày nên ông yêu cầu được nuôi hết các con và không yêu cầu bà T cấp dưỡng. Về phía bà T thì cho rằng bà vẫn chăm sóc con nhưng do điều kiện bà là công nhân nên đôi lúc tăng ca thì bà không có thời gian đưa đón con đi học, bà vẫn làm tròn trách nhiệm của một người mẹ đối với các con. Hội đồng xét xử đã phân tích động viên về trách nhiệm và nghĩa vụ của cha mẹ khi ly hôn đối với con chưa thành niên, nhất là để đảm bảo sự phát triển toàn diện cho các con, nhưng ông T và bà T không thỏa thuận được về việc nuôi con chung. Tại phiên tòa phúc thẩm ông T mới đưa ra yêu cầu này và yêu cầu kháng cáo bổ sung của ông vượt quá yêu cầu kháng cáo ban đầu, do vậy cấp phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo bổ sung này của ông T.

Xét kháng cáo của ông T về việc xem xét lại giá trị nhà và đất là tài sản chung của ông bà thì nhận thấy: Tại phiên tòa ngày 17.11.2020 ông bà không thỏa thuận được giá trị tài sản tranh chấp và ông T yêu cầu được thẩm định lại giá trị tài sản, bà T cũng thống nhất định giá lại tài sản. Do yêu cầu này của các đương sự là không trái quy định pháp luật nên cấp phúc thẩm đã hoãn phiên tòa và tiến hành thành lập Hội đồng định giá. Tại biên bản định giá ngày 15.12.2020 ông T, bà T thống nhất với giá mà Hội đồng đã nêu ra, vì vậy Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào biên bản định giá này để làm cơ sở giải quyết tài sản chung của ông bà. Theo mức giá hội đồng định giá thì giá trị cụ thể như sau:

- + Phần đất: $80\text{m}^2 \times 21.000.000 \text{ đồng/m}^2 = 1.680.000.000 \text{ đồng};$
- + Phần nhà: 364.039.572 đồng.
- + Tổng tài sản nhà và đất là 2.044.039.572 đồng.

Về nợ chung: ông bà xác định thống nhất là còn nợ Công ty X số tiền 200.000.000 đồng là tiền nợ mua nhà và đất chưa trả hết vì vậy số nợ này cũng là số nợ chung và mỗi người phải có trách nhiệm, nên tổng giá trị tài sản của ông bà sẽ được trừ số nợ này trước khi chia tài sản, cụ thể: 2.044.039.572 đồng (-) 200.000.000 đồng = 1.844.039.572 đồng.

Như vậy sau khi trừ đi số nợ chung thì giá trị tài sản chung của ông bà được xác định là 1.844.039.572 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông T nêu ra và xuất trình biên lai nợ tiền điện của Công ty X số tiền trên 30.000.000 đồng, nhưng ở giai đoạn sơ thẩm không ai nêu ra vấn đề này, do vậy cấp phúc thẩm không thể xem xét giải quyết. Nếu sau này công ty có yêu cầu về số nợ này thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Xét yêu cầu của ông T về việc ông nhận nhà đất và sẽ thối hoàn giá trị bằng tiền cho bà T thì nhận thấy: Cả ông T và bà T đều có yêu cầu nhận nhà đất nhưng diện tích nhà đất không đảm bảo để chia đôi bằng hiện vật cho mỗi bên, ông T và bà T khai thống nhất là mặc dù giao cháu Thành cho ông T nuôi dưỡng nhưng 03 cháu vẫn ở chung nhà, ông bà cũng ổn định chỗ ở cho con từ trước đến nay. Nhằm để đảm bảo điều kiện cho bà T về chỗ ở để nuôi con sau ly hôn nên giao nhà đất cho bà T và bà T có trách nhiệm thối hoàn $\frac{1}{2}$ giá trị bằng tiền cho ông T. Do bà T được nhận nhà và đất nêu trên nên bà T có nghĩa vụ giao trả cho ông T số tiền là 1.844.039.572 đồng : 2 = 922.019.786 đồng. Đồng thời bà T được nhận nhà đất và số nợ còn lại của hợp đồng mua nhà đất còn lại đã được trừ ra trước khi chia đôi, nên bà T có trách nhiệm trả số tiền 200.000.000 đồng cho Công ty X.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy yêu cầu kháng cáo của ông T là có cơ sở xem xét một phần về giá trị tài sản chung của ông bà để cấp phúc thẩm chấp nhận.

Quan điểm của Viện kiểm sát như đã nêu trên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

Do kháng cáo của ông T được chấp nhận nên ông T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Về chi phí thẩm định ở giai đoạn phúc thẩm cả hai đương sự cùng phải chịu.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị, không đặt ra xem xét lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1, 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên án: Sửa án sơ thẩm.

1/Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông T và bà T.

Về con chung: Giao cháu Lưu Phú A (nam) sinh ngày 27.5.2008; Lưu Bảo N (nữ) sinh ngày 10.10.2009 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/2 con của ông T. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 08.5.2020 đến khi cháu A, cháu N tròn 18 tuổi.

Giao cháu Lưu Phú T sinh 20.6.2013 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung cho ông T và bà T không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Hồng T được trọn quyền sở hữu và sử dụng một căn nhà (một trệt, một lầu) có kết cấu sàn bê tông cốt thép, mái tole, trần la phong nhựa, tường chung xây gạch 10cm, nền gạch men; và thửa đất số 8284, tờ bản đồ số 4, có diện tích 80m², khu đô thị mới nam sông Cần Thơ, phường Phú T, quận Cái R, thành phố Cần Thơ.

Kèm theo bản vẽ hiện trạng nhà (BL132) và mảnh trích đo địa chính số số 513-2018 ngày 13/11/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận Cái Răng (BL134).

Bà Nguyễn Thị Hồng T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lưu Minh T số tiền 922.019.786 đồng (là giá trị ½ căn nhà và đất nêu trên).

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hồng T có trách nhiệm trả cho công ty cổ phần xây dựng công trình X số tiền 200.000.000 đồng còn lại của hợp đồng mua nhà số 439/HĐTĐC ngày 10.10.2008.

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thanh toán số tiền nợ cho người được thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/Về án phí sơ thẩm: nguyên đơn ông Lưu Minh T phải nộp là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số

006512 ngày 15/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ, ông T đã nộp xong án phí hôn nhân sơ thẩm.

Về án phí cấp dưỡng: ông Lưu Minh T phải nộp là 300.000 đồng.

Về án phí chia tài sản:

Ông Lưu Minh T phải nộp án phí có giá ngạch số tiền là 39.660.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Hồng T phải nộp án phí có giá ngạch số tiền là 19.830.000 đồng (Do có đơn xin miễn giảm). Được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 8.000.000 đồng theo biên lai thu số 006754 ngày 14/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ; số tiền án phí bà T còn phải nộp là 11.830.000 đồng.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Giai đoạn sơ thẩm: số tiền là 3.489.000 đồng; ông T bà T mỗi người chịu $\frac{1}{2}$ số tiền này, tương đương 1.744.500 đồng. Ông T đã nộp tạm ứng trước số tiền là 1.354.000 đồng, bà T nộp 2.135.000 đồng, nên ông T có nghĩa vụ nộp lại số tiền là 390.000 đồng để giao trả lại cho bà T tại cơ quan thi hành án.

Giai đoạn phúc thẩm: Số tiền 3.500.000 đồng, ông T và bà T cùng chịu. Do ông T đã tạm ứng trước nên bà T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông T số tiền là 1.750.000 đồng tại giai đoạn thi hành án.

3/Về án phí phúc thẩm: Ông T không phải chịu nên được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 006064 ngày 20 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND Q. Cái Răng;
- Chi cục THA.DS Q. Cái Răng;
- VKSND. TPCT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Bùi Thị Cẩm Thúy

